

Số: 1063 /TB-SGD&ĐT

Hoà Bình, ngày 05 tháng 6 năm 2014

THÔNG BÁO

Của Hội đồng xét tuyển viên chức khối các đơn vị trực thuộc Sở về danh sách và điểm học tập của thí sinh đăng ký dự tuyển viên chức đợt 1 năm 2014

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 357/SNV-QLCC ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Đề án xét tuyển viên chức năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hoà Bình thông báo công khai trích ngang lý lịch và điểm học tập của 163 thí sinh (danh sách, bảng điểm kèm theo) đủ điều kiện dự xét tuyển viên chức:

- Nhân viên giáo vụ các Trung tâm Giáo dục thường xuyên;
- Giáo viên tin học các Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở.

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo công khai trích ngang lý lịch và điểm học tập của thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển đến toàn thể các thí sinh đăng ký dự tuyển viên chức năm đợt 1 năm 2014 khối trực thuộc Sở biết. Nếu có vấn đề gì vướng mắc thí sinh cần liên hệ trực tiếp về phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo để xem xét giải quyết./. *HV*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình;
- Giám đốc, các Phó giám đốc;
- Thành viên HĐTD;
- Các Đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu VT, TCCB(15).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Đảo

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VC



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SẮT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN VIÊN CHỨC.
KHỞI THỰC THI THỰC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỢT 1 NĂM 2014
Kính theo Thông báo số: 1063/TB-SGD&ĐT ngày 05 tháng 0 năm 2014 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở (GD&ĐT)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Đã tốt nghiệp THPT	Quê quán	Hộ khẩu		Diện tích đất đai	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TBTN	Ngành đang ký	Tổng điểm	Ghi chú	Điểm thi TN từng môn		
						Xã	huyện												TN1	TN2	TN3
1	THỊ SINH ĐĂNG KỲ XÉT TUYỂN NHÂN VIÊN GIÁO VY CÁC TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG NGUYỄN:																				
1	Nguyễn Ngọc Mai	17/8/1990	Nữ	Kinh	Khoan Du, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Chi Nê	Lạc Thủy		DH	SP Sinh học	CQ	DH SP Thái Nguyên	Khá	7,58	7,58	NV Giáo vụ	151,60	Tin chỉ			
2	Nguyễn Hải Trang	27/5/1986	Nữ	Kinh	Vân Điện, Thường Tín, Hà Nội	TT Cao Phong	Cao Phong		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Hà Nội	Khá	7,59	9,50	NV Giáo vụ	170,90	Khoá luận			
3	Xa Thị Hương	05/6/1990	Nữ	Mường	Hào Trang, Đà Bắc, Hòa Bình	Hào Lý	Đà Bắc		DH	SP Toán - Lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,81	6,81	NV Giáo vụ	136,20	Tin chỉ			
4	Đỗ Anh Linh	28/12/1988	Nam	Kinh	Sơn Thành, Vũ Bản, Nam Định	TT Mường Khén	Tân Lạc		DH	SP GD&ĐT	CQ	DH SP Hà Nội 2	Khá	7,26	8,75	NV Giáo vụ	160,10	Niên chế	8,0	9,5	
5	Trần Thị Thu Huệ	02/11/1988	Nữ	Kinh	Sơn Thành, Hương Sơn, Hà Tĩnh	P Tân Thịnh	Yên Thủy		DH	SP Toán học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	8,51	8,51	NV Giáo vụ	83,10	Tin chỉ			
6	Ta Thị Thanh Thu	20/3/1986	Nữ	Kinh	Yên Cường, Y Yên, Nam Định	Yên Trì	Yên Thủy		DH	Nghệ Văn	CQ	DH Vinh	Khá	7,42	8,33	NV Giáo vụ	157,50	Niên chế	8,0	9	9
7	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	29/6/1990	Nữ	Mường	Vân Trung, Thạch Thái, Hà Nội	P Tân Thịnh	Thạch Thái		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,43	6,43	NV Giáo vụ	143,00	Tin chỉ			
8	Phạm Thị Duyên	15/10/1990	Nữ	Kinh	An Quý, Quỳnh Phú, Thái Bình	P Tân Thịnh	Thạch Thái		DH	SP Lịch sử	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,68	8,33	NV Giáo vụ	150,10	Niên chế	9,0	9	6
9	Phạm Thị Thu Thủy	05/5/1988	Nữ	Kinh	Hòa Mộc, Quỳnh Tiến, Hà Nam	P Tân Thịnh	Thạch Thái		DH	SP Nghệ văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,50	8,00	NV Giáo vụ	155,00	Niên chế	9,0	9	6
10	Đỗ Thị Dung	05/01/1990	Nữ	Kinh	Thăng Lôi, Thường Tín, Hà Nội	TT Chi Nê	Hòa Bình		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,51	6,51	NV Giáo vụ	130,20	Tin chỉ			
11	Bùi Thị Diệp	09/6/1989	Nữ	Mường	Vân Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Thị trấn	Cao Phong		DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH SP Thái Nguyên	Khá	7,29	7,33	NV Giáo vụ	144,30	Niên chế	6,0	7,5	8,5
12	Bùi Thị Thanh	05/10/1990	Nam	Mường	Nhân Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Thị trấn	Lạc Thủy		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Hà Nội 2	Khá	7,10	7,10	NV Giáo vụ	125,00	Niên chế	6,0	7,5	8,5
13	Bùi Văn Phương	31/8/1980	Nữ	Kinh	Hoài Đức, Hà Nội	P Hậu Nghi	Tp Hòa Bình		DH	Truyền Anh	CQ	DH SP TDTT HN	Khá	7,39	8,33	NV Giáo vụ	157,20	Niên chế	9,0	8	8
14	Nguyễn Thị Tiên	15/01/1989	Nam	Mường	Ngọc Lâu, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Mỹ	Lạc Sơn		DH	SP Sư - Địa	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,34	9,50	NV Giáo vụ	168,40	Khoá luận			
15	Bùi Văn Liên	09/12/1989	Nữ	Kinh	Đông Phú, Đông Sơn, Thanh Hóa	Phù Lai	Yên Thủy		DH	SP Lịch sử	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,08	6,33	NV Giáo vụ	124,10	Niên chế	5,0	7	7
16	Lê Thị Hoa	23/12/1987	Nữ	Mường	Long Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Nghệ văn	CQ	DH Thái Nguyên	Khá	7,84	7,84	NV Giáo vụ	156,80	Tin chỉ	9,0	8	8
17	Bùi Thị Hương	04/4/1991	Nữ	Mường	Sơn Thủy, Kim Bôi, Hòa Bình	Sơn Thủy	Kim Bôi		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DH SP Hà Nội 2	TB	6,78	6,78	NV Giáo vụ	132,80	Niên chế	5,0	6,5	7,5
18	Thạch Thị Chinh	10/01/1984	Nữ	Tây	Bằng Phúc, Chờ Đôn, Bắc Cạn	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh học	CQ	DH SP Hà Nội	Khá	7,76	8,00	NV Giáo vụ	130,80	Niên chế	8,0	8	6
19	Thạch Thị Nhung	18/9/1987	Nữ	Kinh	Thạch Xá, Thạch Thái, Hà Tây	Thị trấn	Đà Bắc		DH	SP Lịch sử	CQ	DH Tây Bắc	Khá	8,20	8,20	NV Giáo vụ	169,50	Niên chế	8,0	8	9
20	Bùi Văn Hùng	02/7/1989	Nam	Mường	Vĩnh Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Vĩnh Đông	Kim Bôi		DH	Nghệ Văn	CQ	DH Hùng Đức	TB	6,65	8,00	NV Giáo vụ	146,50	Niên chế	7,0	8	8
21	Bùi Văn Hùng	21/02/1987	Nữ	Kinh	Đông Bắc, Kim Bôi, Hòa Bình	Đông Bắc	Kim Bôi		DH	Ngữ Văn	CQ	DH HN	Khá	7,90	8,00	NV Giáo vụ	159,00	Niên chế	7,0	8	9
22	Bùi Thu Công	29/1/1984	Nam	Mường	Màu Lam, Như Thái, Thanh Hóa	Cun Pheo	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH HN	Khá	7,15	7,33	NV Giáo vụ	144,80	Niên chế	7,0	6,5	8,5
23	Quách Lương Côn	06/9/1989	Nam	Mường	Vĩnh Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Vĩnh Đông	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH HN	Khá	7,08	7,67	NV Giáo vụ	171,50	Niên chế	8,0	9	6
24	Bùi Văn Tuấn	20/3/1985	Nữ	Thái	Chiềng Chai, Mai Châu, Hòa Bình	TT Mai Châu	Mai Châu		DH	CNTT	CQ	DH HN	Khá	7,15	7,33	NV Giáo vụ	144,80	Niên chế	7,0	6,5	8,5
25	Vũ Thị Tuyết	10/7/1983	Nữ	Kinh	Cao Dương, Kim Bôi, Hòa Bình	TT Bo	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,08	7,67	NV Giáo vụ	171,50	Niên chế	8,0	9	6
26	Đặng Thị Nga	19/5/1988	Nữ	Kinh	Hồng Quang, Nam Trục, Nam Định	Vĩnh Tiến	Tp Hòa Bình		DH	SP Địa lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,68	9,50	NV Giáo vụ	141,50	Niên chế	8,0	9	6
27	Đỗ Thị Bạch Phượng	02/7/1988	Nữ	Kinh	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Tu Sơn	Kim Bôi		DH	SP Lịch sử	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,48	7,48	NV Giáo vụ	149,60	Tin chỉ	8,0	9	8
28	Bùi Thị Diệu	30/12/1991	Nữ	Mường	Vĩnh Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Tu Sơn	Kim Bôi		DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,93	8,33	NV Giáo vụ	162,60	Niên chế	8,0	9	8
29	Bùi Thị Hiền	13/8/1989	Nữ	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vũ	Lạc Sơn		DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	8,02	8,02	NV Giáo vụ	160,40	Tin chỉ	7,0	8	6
30	Bùi Thị Huệ	04/10/1986	Nữ	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vũ	Lạc Sơn		DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	8,02	8,02	NV Giáo vụ	160,40	Tin chỉ	7,0	8	6
31	Bùi Thị Linh	07/11/1988	Nam	Kinh	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	Cao Thăng	Lạc Sơn		DH	SP Toán học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,24	7,33	NV Giáo vụ	145,70	Niên chế	6,0	7	6
32	Nguyễn Thị Mai Đạt	30/4/1989	Nam	Mường	Quý Hòa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Quý Hòa	Lạc Sơn		DH	SP Lịch sử	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,24	7,33	NV Giáo vụ	145,70	Niên chế	6,0	7	6
33	Nguyễn Đình Đỗ	20/12/1991	Nam	Mường	Bảo Hiệu, Yên Thủy, Hòa Bình	Bảo Hiệu	Yên Thủy		DH	SP Toán học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,24	7,33	NV Giáo vụ	145,70	Niên chế	6,0	7	6
34	Bùi Văn Tam	09/4/1986	Nữ	Kinh	Yên Tiến, Y Yên, Nam Định	TT Mường Khén	Tân Lạc		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,97	6,97	NV Giáo vụ	139,40	Tin chỉ	8,0	9	8
35	Bùi Hoàng Yến	09/12/1990	Nữ	Kinh	Liên Phong, Thanh Liệt, Hà Nam	Xuất Hòa	Cao Phong		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,97	6,97	NV Giáo vụ	139,40	Tin chỉ	8,0	9	8
36	Bùi Minh Linh	17/10/1990	Nam	Kinh	Nghĩa Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định	Bác Phương	Tp Hòa Bình		DH	SP Nghệ văn	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,97	6,97	NV Giáo vụ	139,40	Tin chỉ	8,0	9	8
37	Khương Thị Thanh Hiền	24/3/1987	Nữ	Kinh	TT Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Chi Nê	Yên Thủy		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,97	6,97	NV Giáo vụ	139,40	Tin chỉ	8,0	9	8
38	Nguyễn Thị Thanh Nga	17/4/1989	Nữ	Kinh	Hương Thành, Hương Hoa, Thanh Hóa	P Mường Lát	Tp Hòa Bình		DH	SP GD&ĐT	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
39	Nguyễn Mạnh Cường	23/02/1987	Nam	Mường	Điện Ngọc, Điện Châu, Nghệ An	Tung Minh	Kỳ Sơn		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
40	Vũ Thị Thu Hiền	28/7/1990	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	P Đông Tiến	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
41	Nguyễn Thị Hoàng	28/7/1990	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	P Đông Tiến	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
42	Nguyễn Thị Hoàng	28/7/1990	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	P Đông Tiến	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
43	Nguyễn Thị Hoàng	28/7/1990	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	P Đông Tiến	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
44	Nguyễn Thị Hoàng	28/7/1990	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	P Đông Tiến	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
45	Nguyễn Thị Hoàng	28/7/1990	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	P Đông Tiến	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
46	Nguyễn Thị Hoàng	28/7/1990	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	P Đông Tiến	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
47	Bùi Văn Linh	01/4/1989	Nam	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Tu Sơn	Kim Bôi		DH	SP Địa lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
48	Trần Hà Linh	01/01/1990	Nữ	Mường	Xa Mộc, Mệ Linh, Vĩnh Phúc	TT Mường Khén	Tân Lạc		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
49	Bùi Thị Cúc	10/12/1988	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, Hòa Bình	Phong Phú	Tân Lạc		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
50	Trần Thị Tình	26/01/1990	Nữ	Dao	Toàn Sơn, Đà Bắc, Hòa Bình	Tu Sơn	Kim Bôi		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
51	Trần Thị Thu Hiền	18/6/1988	Nữ	Kinh	Kam Thái, Vũ Bản, Nam Định	Kỳ Sơn	Kim Bôi		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
52	Lý Thị Kim Tuyền	27/10/1987	Nữ	Cao	Lam Yên Kiên, Đoàn Hưng, Phú Thọ	Liên Vũ	Lạc Sơn		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
53	Bùi Thị Tuyền	24/01/1991	Nữ	Mường	Vân Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Vân Nghĩa	Lạc Sơn		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
54	Phạm Thị Danh	18/11/1989	Nữ	Mường	Lỗ Sơn, Tân Lạc, Hòa Bình	Lỗ Sơn	Tân Lạc		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
55	Bùi Thu Phương	08/11/1988	Nữ	Mường	Mân Đức, Tân Lạc, Hòa Bình	TT Mường Khén	Tân Lạc		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
56	Phạm Minh Cảnh	01/02/1988	Nam	Kinh	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	Đông Lai	Tân Lạc		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7
57	Bùi Thị Hiền	10/11/1986	Nữ	Mường	Ngọc Hòa, Tân Lạc, Hòa Bình	Ngọc Hòa	Tân Lạc		DH	SP Toán học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,70	6,70	NV Giáo vụ	134,00	Niên chế	5,0	6	7

Handwritten signature in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Họ Khẩu		Điểm ưu tiên	Thành độ đạt	Chuyên ngành đào tạo	Mã đào tạo	Trường đào tạo	Tất nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành đào tạo	Tổng điểm	Ghi chú	Điểm thi TN từng môn		
					Xã	huyện												TN1	TN2	TN3
58	Bùi Thị Ngọc	12/10/1988	Nữ	Mường	Quê Hoa, Lạc Sơn Hòa Bình	Yên Bông	DT	DH	SP Sinh học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,50	8,00	NV Giáo vụ	155,00	Niên chế	9,0	9,2	6
59	Bùi Thị Ngọc	22/8/1989	Nữ	Mường	Đa Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,67	8,67	NV Giáo vụ	168,80	Niên chế	9,0	9	8
60	Nguyễn Thị Ngọc	10/01/1988	Nữ	Kinh	Sơn Hòa, Xuân Dục, Sơn Bình	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Tiếng Anh	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,51	7,67	NV Giáo vụ	151,80	Niên chế	8,0	9	7
61	Quách Thị Ngọc	08/6/1989	Nữ	Mường	Đông Phong, Nho Quan, Ninh Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Toán học	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,53	6,53	NV Giáo vụ	130,60	Tin chi	7		
62	Nguyễn Thị Ngọc	28/11/1989	Nữ	Mường	Hải Phòng, Hải Phòng	Lương Sơn	DT	DH	SP Toán học	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,15	6,50	NV Giáo vụ	126,50	Niên chế	9,0	9	7
63	Nguyễn Thị Ngọc	02/7/1989	Nữ	Kinh	Bội Bình, Long Hòa, Hà Nội	Tân Lạc	DH	DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,08	8,67	NV Giáo vụ	167,50	Niên chế	9,0	9	8
64	Phạm Thị Ngọc	09/11/1988	Nữ	Kinh	Thường Tín, Vĩnh Phúc	Kim Bôi	DH	DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,75	6,67	NV Giáo vụ	134,20	Niên chế	7,0	6	7
65	Nguyễn Thị Ngọc	18/6/1987	Nữ	Kinh	Thái Nguyên, Thái Nguyên	Kim Bôi	DT	DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,20	7,32	NV Giáo vụ	146,10	Tin chi	6,5	9	
66	Bùi Thị Ngọc	09/6/1989	Nữ	Mường	Thanh Chương, Lạc Sơn, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,26	7,26	NV Giáo vụ	152,60	Niên chế	8,5	8	7
67	Bùi Thị Ngọc	08/12/1987	Nữ	Mường	Phù Lai, Yên Thủy, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch sử	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,26	7,95	NV Giáo vụ	159,00	Tin chi	9,0	10	5
68	Bùi Thị Ngọc	12/8/1989	Nữ	Mường	Vĩnh Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,23	8,23	NV Giáo vụ	164,60	Tin chi			
69	Nguyễn Thị Ngọc	30/6/1991	Nữ	Kinh	Cao Thang, Lương Sơn, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,27	6,27	NV Giáo vụ	155,60	Tin chi			
70	Bùi Thị Ngọc	17/9/1991	Nữ	Mường	Hà Bì, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,78	7,78	NV Giáo vụ	125,40	Tin chi			
71	Nguyễn Thị Ngọc	13/01/1991	Nữ	Kinh	Văn Hoai, Yên Thủy, Hòa Bình	Đông Tâm	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	8,26	8,26	NV Giáo vụ	165,20	Tin chi			
72	Phạm Thị Ngọc	13/5/1991	Nữ	Mường	Long Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,19	8,00	NV Giáo vụ	151,90	Niên chế	8,0	9	7
73	Nguyễn Thị Ngọc	21/5/1991	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,79	8,33	NV Giáo vụ	161,20	Niên chế	8,0	9	8
74	Bùi Thị Ngọc	08/8/1988	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình	Đa Bắc	DT	DH	SP Lịch sử	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,42	7,42	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
75	Hà Thị Ngọc	26/2/1990	Nữ	Tây	Tu Lý, Đa Bắc, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	Lịch sử	CQ	DH Quy Nhơn	TB	6,44	6,44	NV Giáo vụ	124,40	Niên chế	7,0	5	
76	Bùi Thị Ngọc	05/10/1987	Nữ	Mường	Lạc Hùng, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,34	6,34	NV Giáo vụ	126,80	Tin chi			
77	Phạm Ngọc	03/7/1987	Nữ	Kinh	Thương Hòa, Kiên Xương, Thái Bình	P Tân Thịnh	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,50	7,50	NV Giáo vụ	160,00	Niên chế	8,0	8,5	9
78	Nguyễn Phương	08/10/1985	Nữ	Kinh	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	P Phương Lân	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,42	7,42	NV Giáo vụ	148,40	Tin chi			
79	Nguyễn Phương	10/01/1980	Nữ	Kinh	Sơn Thành, Nho Quan, Ninh Bình	Vũ Lãm	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,50	7,50	NV Giáo vụ	160,00	Niên chế	8,0	8,5	9
80	Phạm Thị Ngọc	05/6/1990	Nữ	Kinh	Liên Hòa, Lạc Thủy, Hòa Bình	Cô Ngựa	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,42	7,42	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
81	Nguyễn Thanh	01/3/1990	Nữ	Kinh	Hành Cũ, Thanh Ba, Phú Thọ	Hà Bì	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
82	Bùi Thị Ngọc	04/7/1990	Nữ	Kinh	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	Lạc Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
83	Nguyễn Thanh	30/8/1989	Nữ	Kinh	Sơn Hòa, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
84	Đặng Hồng	15/10/1989	Nữ	Kinh	Sơn Hòa, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
85	Tần Thị Ngọc	30/8/1985	Nữ	Kinh	Đông Sơn, Đông Hưng, Thái Bình	Phong Phú	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
86	Bùi Thị Ngọc	25/5/1988	Nữ	Mường	Yên Lạc, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
87	Nguyễn Thanh	08/9/1986	Nữ	Mường	Yên Lạc, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
88	Bùi Thị Ngọc	26/9/1990	Nữ	Kinh	Thạch Xá, Thạch Thái, Hà Tây	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
89	Quách Thị Ngọc	20/9/1990	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
90	Nguyễn Thị Ngọc	24/8/1991	Nữ	Kinh	Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định	Phu Lão	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
91	Nguyễn Thị Ngọc	09/10/1988	Nữ	Kinh	Đo Nhân, Tân Lạc, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
92	Bùi Thị Ngọc	20/8/1990	Nữ	Mường	Mai Hịch, Mai Châu, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
93	Bùi Thị Ngọc	21/9/1991	Nữ	Mường	Phu Lai, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
94	Bùi Thị Ngọc	07/5/1990	Nữ	Kinh	Yên Lạc, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
95	Bùi Thị Ngọc	15/10/1986	Nữ	Mường	Thương Bì, Kim Bôi, Hòa Bình	Thương Bì	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
96	Bùi Thị Ngọc	05/5/1988	Nữ	Mường	Thương Bì, Kim Bôi, Hòa Bình	Thương Bì	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
97	Bùi Thị Ngọc	17/9/1985	Nữ	Mường	Thương Bì, Kim Bôi, Hòa Bình	Thương Bì	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
98	Bùi Thị Ngọc	15/02/1989	Nữ	Mường	Thương Bì, Kim Bôi, Hòa Bình	Thương Bì	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
99	Bùi Thị Ngọc	30/3/1988	Nữ	Kinh	Liên Minh, Vũ Bản, Nam Định	Liên Minh	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
100	Bùi Thị Ngọc	03/3/1990	Nữ	Kinh	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
101	Nguyễn Thị Ngọc	16/11/1988	Nữ	Mường	P Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
102	Phạm Thị Ngọc	30/10/1991	Nữ	Mường	Kim Bôi	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
103	Nguyễn Thị Ngọc	19/11/1990	Nữ	Mường	Kim Bôi	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
104	Bùi Thị Ngọc	18/6/1989	Nữ	Mường	Kim Bôi	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
105	Đinh Thị Ngọc	19/11/1990	Nữ	Mường	Kim Bôi	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
106	Bùi Thị Ngọc	19/6/1991	Nữ	Mường	Kim Bôi	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
107	Ngô Thị Ngọc	10/4/1986	Nữ	Kinh	Tân Lạc	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
108	Lê Thị Ngọc	26/11/1988	Nữ	Kinh	Xuân Hương, Xuân Trường, Nam Định	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
109	Nguyễn Thị Ngọc	05/4/1990	Nữ	Mường	Bình Cánh, Lạc Sơn, Hòa Bình	Lạc Sơn	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
110	Bùi Thị Ngọc	29/4/1989	Nữ	Mường	Thương Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Lạc Sơn	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
111	Bùi Thị Ngọc	11/9/1990	Nữ	Mường	Thương Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Lạc Sơn	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
112	Vũ Minh	10/7/1987	Nữ	Kinh	Đông Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Nhiệm Nghĩa	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
113	Đỗ Minh	12/12/1987	Nữ	Mường	Kim Tiến, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
114	Bùi Thị Ngọc	02/3/1990	Nữ	Mường	Hợp Thịnh, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
115	Nguyễn Thị Ngọc	12/10/1987	Nữ	Kinh	Hợp Thịnh, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
116	Nguyễn Thị Ngọc	06/02/1988	Nữ	Kinh	Mình Thuận, Vũ Bản, Nam Định	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
117	Đinh Thị Ngọc	02/3/1990	Nữ	Kinh	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
118	Bùi Thị Ngọc	07/3/1990	Nữ	Mường	Ngọc Lâu, Lạc Sơn, Hòa Bình	Lạc Sơn	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
119	Bùi Thị Ngọc	07/10/1983	Nữ	Kinh	Tân Lạc	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
120	Trần Thị Ngọc	20/9/1989	Nữ	Kinh	Đông Tiến, Ung Hòa, Hà Nội	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
121	Nguyễn Thị Ngọc	10/11/1987	Nữ	Kinh	Xuân Minh, Tân Lạc, Hòa Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
122	Trần Thị Ngọc	20/4/1988	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu, Nho Quan, Ninh Bình	Mai Châu	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
123	Tổng Minh	10/6/1989	Nữ	Kinh	Tân Lạc	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			
124	Vũ Thị Ngọc	10/6/1989	Nữ	Kinh	Tân Lạc	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn lý	CQ	DH Tây Bắc	TB	6,85	6,85	NV Giáo vụ	137,00	Tin chi			

100%

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hội khẩu		Diện tích	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TBTN	Ngành đăng ký	Tổng điểm	Ghi chú	Điểm thi TN từng môn		
					Xã	huyện												TN1	TN2	TN3
125	Vũ Thị Thu	04/7/1988	Nữ	Kinh	P Tân Thành	Tp Hòa Bình	DH	DH	Ngữ Văn	CQ	DH Hải Phòng	Khá	7,79	10,00	NV Giáo vu	177,90	Khảo luận			
126	Bùi Văn Sơn	08/11/1990	Nam	Mường	Bình Châu	Lạc Sơn	DH	DH	SP Sinh học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,44	7,67	NV Giáo vu	151,10	Niên chế	8,0	8	7
127	Lê Thị Anh	02/02/1985	Nữ	Kinh	TT Cao Phong	Cao Phong	DH	DH	SP KTN	CQ	DH Nông Nghiệp I	TBK	6,69	7,50	NV Giáo vu	141,90	Niên chế	8,0	7	
128	Phạm Thị Hằng	03/5/1988	Nữ	Kinh	TT Hùng Vương	Mai Châu	DH	DH	DH SP Hòa học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,04	7,67	NV Giáo vu	147,10	Niên chế	8,0	8	7
129	Đặng Thùy Hằng	29/10/1985	Nữ	Kinh	TT Hùng Vương	Yên Thủy	DH	DH	Khoa học máy tính	CQ	DH Kinh tế Quốc Dân	Khá	7,30	7,25	NV Giáo vu	145,50	Niên chế	6,5	8	
130	Đinh Văn Trung	02/8/1989	Nam	Mường	TT Nê	Tân Lạc	Con IT	DH	SP Sinh học	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,35	6,35	NV Giáo vu	127,00	Tin chi			
131	Bùi Hà	13/5/1990	Nam	Kinh	Cô Ngập	Lạc Thủy	DH	DH	SP Toán học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,66	8,67	NV Giáo vu	163,30	Niên chế	9,0	10	7
132	Trần Thị Thủy	19/01/1988	Nữ	Kinh	TT Chí Nê	Lạc Thủy	DH	DH	SP Ngữ Văn	CQ	DH SP Thái Nguyên	TBK	6,18	6,33	NV Giáo vu	125,60	Niên chế	6,0	6	
133	Lê Thị Thanh	17/7/1990	Nam	Mường	Bình Thành	Cao Phong	DH	DH	SP Lịch sử	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,28	6,28	NV Giáo vu	125,60	Niên chế	5,0	7	
134	Trần Hồng Hải	07/4/1989	Nam	Dao	Kim Bôi	Hòa Bình	DH	DH	Giáo dục thể chất	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,28	6,67	NV Giáo vu	169,20	Niên chế	8,0	10	8
135	Đặng Thị Dung	26/4/1990	Nữ	Dao	Toàn Sơn	Đà Bắc	DH	DH	SP Vật lý	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	8,25	8,67	NV Giáo vu	122,20	Niên chế	7,0	5	7
136	Nguyễn Thủy Phương	23/4/1986	Nữ	Kinh	Cao Dục, Gĩa Bình, Bắc Ninh	Bắc Phương	DH	DH	SP Địa lý	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,08	9,25	NV Giáo vu	170,40	Niên chế	9,0	9,5	
137	Bùi Thị Hồng Dung	28/5/1991	Nữ	Mường	Quý Hòa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Quý Hòa	DH	DH	SP Địa lý	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,08	9,25	NV Giáo vu	170,40	Niên chế	9,0	9,5	
138	Nữ Hồng Hạnh	01/12/1989	Nữ	Kinh	Tân Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	P Châm Mát	DH	DH	Giáo dục công dân	CQ	DH SP Hà Nội	TB	7,79	9,25	NV Giáo vu	131,20	Tin chi			
139	Bùi Văn Nhị	15/02/1988	Nam	Mường	Sao Báy, Kim Bôi, Hòa Bình	Sao Báy	DH	DH	SP Sinh học	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,56	6,56	NV Giáo vu	131,20	Tin chi			
II. TÀI SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN GIAO VIENTIN HỌC CÁC TRƯỜNG PHO THÔNG ĐNTRUNG HỌC CƠ SỞ:																				
1	Bùi Thị Hoa	28/7/1989	Nữ	Kinh	Tu Sơn	Kim Bôi	DH	DH	CNTT	CQ	DH CNTT&TT Thái N	Khá	7,17	8,20	GV Tin học	153,70	DATN			
2	Hà Công Khánh	14/4/1989	Nam	Thái	Chiềng Châu	Mai Châu	DH	DH	SP Tin học	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,23	7,00	GV Tin học	142,30	Niên chế	8,0	7	6
3	Bùi Văn Sơn	01/01/1989	Nam	Mường	Liên Vù	Lạc Sơn	DH	DH	CNTT	CQ	DH CNTT&TT Thái N	Khá	7,12	8,40	GV Tin học	155,20	DATN			
4	Nguyễn Văn Quý	09/01/1985	Nam	Kinh	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Tây	Đà Bắc	DH	DH	CNTT	CQ	DH CNTT&TT Thái N	Khá	7,04	8,20	GV Tin học	152,40	DATN			
5	Bùi Trọng Dũng	03/4/1990	Nam	Kinh	Xuân Hùng, Xuân Thủy, Nam Định	TT Mai Châu	DH	DH	CNTT	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TBK	6,82	8,10	GV Tin học	149,20	DATN			
6	Nguyễn Tiến Dũng	12/12/1990	Nữ	Kinh	Yên Mỹ, Yên, Nam Định	P Châm Mát	DH	DH	CNTT	CQ	DH CNTT&TT Thái N	Khá	7,04	8,60	GV Tin học	156,40	DATN			
7	Dương Thị Lâm	07/10/1984	Nam	Kinh	Hợp Cường, Kim Thi, Hưng Yên	P Thanh Lang	DH	DH	CNTT	CQ	DH CNTT&TT Thái N	Khá	7,23	8,30	GV Tin học	155,30	DATN			
8	Nguyễn Anh Lâm	20/4/1986	Nam	Kinh	An Mỹ, Bình Lục, Hà Nam	Kim Bôi	DH	DH	Tin học	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,67	9,50	GV Tin học	165,00	DATN			7
9	Hoàng Đình Hợp	28/4/1986	Nam	Mường	Thiên Tiên, Thiên Hòa, Thanh Hóa	P Châm Mát	DH	DH	SP Tin học	CQ	DH SP Hà Nội	TB	5,80	5,50	GV Tin học	113,00	Niên chế	5,0	6	
10	Lê Đình Hợp	20/02/1989	Nữ	Mường	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Tây	P Châm Mát	DH	DH	CNTT	CQ	DH CNTT&TT Thái N	Khá	7,23	8,10	GV Tin học	153,30	DATN			
11	Bùi Thị Tiêm	11/3/1989	Nam	Kinh	An Thanh, Từ Kỳ, Hải Dương	Đồng Bạng	DH	DH	SP Tin học	CQ	DH SP Thái Nguyên	TB	6,18	6,18	GV Tin học	123,60	Tin chi			
12	Phạm Văn Quyết	24/5/1987	Nam	Mường	Địch Giáo, Tân Lạc, Hòa Bình	Chang Sơn	DH	DH	SP Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,24	8,40	GV Tin học	151,70	DATN			
13	Bùi Văn Huy	20/7/1990	Nam	Kinh	Công Hòa, Vũ Bản, Nam Định	Thạch Thất	DH	DH	SP Tin học	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,51	6,51	GV Tin học	130,20	Tin chi			
14	Trần Quang Trung	28/7/1987	Nam	Mường	Đông Bắc, Kim Bôi, Hòa Bình	Tu Sơn	DH	DH	Tin học ứng dụng	CQ	DH SP Hà Nội	TB	6,82	9,00	GV Tin học	158,20	Niên chế	7,5	7	
15	Bùi Anh Xuân	11/01/1988	Nam	Kinh	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	Kim Bôi	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,03	7,60	GV Tin học	145,30	TBTN			
16	Đỗ Xuân Sơn	24/10/1982	Nữ	Kinh	Yên Nhân, Yên, Nam Định	Liên Vù	DH	DH	Tin học ứng dụng	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,63	7,60	GV Tin học	142,30	DATN			
17	Nguyễn Thị Thủy Linh	17/5/1984	Nam	Mường	Vũ Lâm, Lạc Sơn, Hòa Bình	Lạc Sơn	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,63	6,67	GV Tin học	125,80	TBTN			
18	Bùi Đức Nhị	22/10/1986	Nam	Kinh	Lam Hà, Phú Lý, Hà Nam	TT Chí Nê	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,60	5,50	GV Tin học	121,00	DATN			
19	Phạm Hùng Mạnh	12/6/1987	Nam	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,60	5,50	GV Tin học	121,00	DATN			
20	Bùi Văn Thắng	13/6/1985	Nam	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,60	5,50	GV Tin học	121,00	DATN			
21	Bùi Văn Bình	15/6/1988	Nữ	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,60	5,50	GV Tin học	121,00	DATN			
22	Vũ Thanh Bình	15/6/1988	Nữ	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,60	5,50	GV Tin học	121,00	DATN			
23	Bùi Thị Ngọc Mai	15/6/1988	Nữ	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	DH	DH	Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	6,60	5,50	GV Tin học	121,00	DATN			
24	Nguyễn Thị Huệ	05/10/1986	Nữ	Kinh	Tân Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TT Hùng Vương	DH	DH	SP KT Tin học	CQ	DH CNTT&TT Thái N	TB	7,08	10,00	GV Tin học	170,80	KL			